

Số: 22/2022/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Hướng dẫn thực hiện Nghị định thư (sửa đổi lần 2) Nghị định thư giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Bê-la-rút về hỗ trợ sản xuất phương tiện vận tải có động cơ trên lãnh thổ Việt Nam

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Điều ước quốc tế ngày 09 tháng 4 năm 2016;

Thực hiện Nghị định thư giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Bê-la-rút về hỗ trợ sản xuất phương tiện vận tải có động cơ trên lãnh thổ Việt Nam ký ngày 23 tháng 3 năm 2016; Nghị định thư sửa đổi Nghị định thư giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Bê-la-rút về hỗ trợ sản xuất phương tiện vận tải có động cơ trên lãnh thổ Việt Nam ký ngày 27 tháng 6 năm 2017; Nghị định thư (sửa đổi lần 2) Nghị định thư giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Bê-la-rút về hỗ trợ sản xuất phương tiện vận tải có động cơ trên lãnh thổ Việt Nam ký ngày 03 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ các Công văn số 459/BCT-AM ngày 12 tháng 8 năm 2022, Công văn số 557/BCT-AM ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Bộ Công Thương và Công văn số 764/BTC-HTQT ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn thực hiện Nghị định thư (sửa đổi lần 2) Nghị định thư giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Bê-la-rút về hỗ trợ sản xuất phương tiện vận tải có động cơ trên lãnh thổ Việt Nam.



Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về quy trình phân bổ hạn ngạch thuế quan, trình tự, thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan, mức thuế suất thuế nhập khẩu trong và ngoài hạn ngạch thuế quan và cơ chế phối hợp quản lý giữa các cơ quan nhà nước để thực hiện cơ chế nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan đối với phương tiện vận tải có động cơ và bộ phụ tùng và linh kiện trong khuôn khổ Nghị định thư.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
2. Các liên doanh đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4 của Quyết định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Liên doanh là pháp nhân được thành lập bởi một bên là Công ty cổ phần “Minsk Automobile Plant” - công ty quản lý của “BELAUTOMAZ” (MAZ) của Cộng hòa Bê-la-rút, hoặc công ty thay thế hoặc tổ chức lại của MAZ theo đề nghị của phía Bê-la-rút, và bên kia là doanh nghiệp có quan tâm của Việt Nam trên lãnh thổ Việt Nam phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Phương tiện vận tải có động cơ là một số loại xe tải (N) và các phương tiện vận tải có động cơ dùng chở 10 người trở lên, bao gồm cả lái xe (M2, M3) theo thống nhất của MAZ và doanh nghiệp có quan tâm của Việt Nam.¹

3. Bộ phụ tùng và linh kiện của các phương tiện vận tải có động cơ là một bộ phụ tùng và linh kiện được liên doanh nhập khẩu vào lãnh thổ Việt Nam và cần thiết cho lắp ráp công nghiệp các phương tiện vận tải có động cơ, trừ các phụ tùng và linh kiện được sản xuất trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Tỷ lệ nội địa hóa là hàm lượng giá trị gia tăng nội địa được tính toán theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ nội địa hóa} = \frac{\begin{array}{c} \text{Chi phí nguyên} \\ \text{vật liệu của} \\ \text{Việt Nam} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Chi phí lao động} \\ \text{trực tiếp} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Chi phí chung} \\ \text{trực tiếp} \end{array} + \text{Lợi nhuận}}{\text{Giá người tiêu dùng cuối cùng}} * 100\%$$

¹ Phân loại phương tiện vận tải gắn động cơ theo loại xe quy định của Ủy ban Kinh tế của Liên hợp quốc về Châu Âu (UNECE).

a) Chi phí nguyên vật liệu của Việt Nam nghĩa là giá trị nguyên vật liệu, phụ tùng hoặc hàng hóa có xuất xứ Việt Nam và đạt các tiêu chí xuất xứ phù hợp với quy định của Chương 4 (Quy tắc xuất xứ) của Hiệp định VN - EAEU FTA;

b) Chi phí lao động trực tiếp bao gồm lương, thưởng và các khoản lợi ích khác của người lao động có gắn với quá trình sản xuất theo quy định của pháp luật Việt Nam;

c) Chi phí chung trực tiếp bao gồm, nhưng không giới hạn chỉ các chi phí hành chính và thương mại; chi phí các tài sản cố định gắn với quá trình sản xuất (chi phí thuê, khấu hao tòa nhà, thuế, lãi suất thế chấp); chi phí thuê và lãi suất phải thanh toán đối với nhà máy và thiết bị; chi phí bảo vệ nhà máy; chi phí bảo hiểm (nhà máy, thiết bị và nguyên vật liệu sử dụng trong sản xuất hàng hóa); chi phí sử dụng dịch vụ công cộng (năng lượng, điện, nước và các chi phí sử dụng dịch vụ công cộng khác gắn với sản xuất hàng hóa); chi phí nghiên cứu và phát triển, thiết kế và kỹ thuật; thuốc nhuộm, khuôn, công cụ và khấu hao, bảo trì và sửa chữa nhà máy và thiết bị; tiền bản quyền hoặc giấy phép (có liên quan đến những máy móc và công nghệ có bản quyền được sử dụng trong quá trình sản xuất hàng hóa hoặc quyền sản xuất hàng hóa); chi phí kiểm tra và thử nghiệm nguyên vật liệu và hàng hóa; chi phí kho bãi tại nhà máy; chi phí xử lý chất thải có thể tái chế; và chi phí các yếu tố được sử dụng trong tính toán giá trị nguyên vật liệu thô, tức là phí cảng và giải phóng hàng và thuế nhập khẩu phải trả cho các phần phải chịu thuế;

d) Lợi nhuận nghĩa là lợi nhuận ròng của liên doanh sau khi trừ đi tất cả các thuế và phí theo quy định của pháp luật Việt Nam;

đ) Giá người tiêu dùng cuối cùng nghĩa là giá của hàng hóa trên vận đơn bán hàng.

Điều 4. Yêu cầu đối với liên doanh

Liên doanh đủ điều kiện bao gồm:

1. Pháp nhân được thành lập bởi một bên là Công ty cổ phần "Minsk Automobile Plant" - công ty quản lý của "BELAUTOMAZ" (MAZ) của Cộng hòa Bê-la-rút, hoặc công ty thay thế hoặc tổ chức lại của MAZ theo đề nghị của phía Bê-la-rút, và bên kia là doanh nghiệp có quan tâm của Việt Nam trên lãnh thổ Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

2. MAZ có thể thành lập một liên doanh sản xuất xe tải (N) và một liên doanh sản xuất các phương tiện vận tải có động cơ chở 10 người trở lên, bao gồm cả lái xe (M2, M3) để sản xuất các phương tiện vận tải có động cơ trên lãnh thổ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Phần vốn do các doanh nghiệp Việt Nam trong liên doanh đóng góp phải đạt ít nhất 50% tổng vốn điều lệ của liên doanh.

4. Liên doanh phải được thành lập và hoạt động trong thời gian ít nhất 10 năm và không quá 30 năm.

5. MAZ hoặc công ty thay thế hoặc tổ chức lại của MAZ không được chuyển nhượng vốn trong các liên doanh cho bất cứ bên thứ ba của một nước thứ ba nào.

6. Tỷ lệ nội địa hóa sẽ được tăng dần đạt mức 30% vào năm 2022 và 45% vào năm 2025 đối với xe tải, và 35% vào năm 2022 và 50% vào năm 2025 đối với các phương tiện vận tải có động cơ dùng chở 10 người trở lên, bao gồm cả lái xe.

7. Các phương tiện vận tải có động cơ do liên doanh sản xuất để sử dụng trên lãnh thổ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy trình đánh giá sự phù hợp theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Chương II

HẠN NGẠCH THUẾ QUAN

Điều 5. Lượng hạn ngạch thuế quan

1. Tổng lượng hạn ngạch thuế quan cho tất cả các liên doanh đến năm 2024 như sau:

Năm	2020	2021	2022	2023	2024
Phương tiện vận tải có động cơ (chiếc)	100	100	100	0	0
Bộ phụ tùng và linh kiện (bộ)	100	500	700	900	900

2. Bộ Công Thương phân bổ hạn ngạch thuế quan từng năm cho liên doanh căn cứ vào tổng lượng hạn ngạch quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định này và thực tế thực hiện kế hoạch sản xuất của liên doanh gửi Bộ Công Thương.

3. Nếu lượng hạn ngạch được quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quyết định này không được sử dụng hết trong năm tương ứng, lượng hạn ngạch chưa được sử dụng có thể được chuyển sang năm sau. Lượng hạn ngạch thuế quan được cấp năm sau sẽ có thể bị giảm trừ, phụ thuộc vào việc thực hiện tỷ lệ nội địa hóa của liên doanh nêu trong kế hoạch thực hiện dự kiến, của mình và việc thực hiện hạn ngạch thuế quan năm trước theo công thức sau:

$$\text{Lượng hạn ngạch thuế quan cấp cho năm sau} = M \cdot (1-A) + B-C \text{ (hoặc D)}$$

Trong đó:

a) M là lượng hạn ngạch thuế quan cho liên doanh theo khoản 1 Điều 5 Quyết định này;

b) A là tỷ lệ phần trăm không thực hiện được trên thực tế kế hoạch dự kiến của năm trước về tỷ lệ nội địa hóa;

c) B là lượng hạn ngạch thuế quan được quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định này mà không được thực hiện hết trong năm trước và được chuyển sang năm sau;

d) C là 30% của M cấp cho năm sau trong trường hợp liên doanh chỉ thực hiện từ 50 - 80% lượng hạn ngạch thuế quan của năm trước (M của năm kế trước) quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định này;

đ) D là 50% của M cấp cho năm sau trong trường hợp liên doanh chỉ thực hiện ít hơn 50% lượng hạn ngạch thuế quan của năm trước (M của năm kế trước) quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định này.

4. Trong trường hợp có điều chỉnh về lượng hạn ngạch thuế quan quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định này, Bộ Công Thương thông báo cho phía Bê-la-rút trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

Điều 6. Thuế nhập khẩu trong và ngoài hạn ngạch

1. Mức thuế suất thuế nhập khẩu trong hạn ngạch thuế quan là 0% trong trường hợp thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Xuất xứ của các phương tiện vận tải có động cơ và xuất xứ các bộ phụ tùng và linh kiện do (các) liên doanh nhập khẩu cho lắp ráp công nghiệp trên lãnh thổ Việt Nam, nếu được dùng để lắp ráp thành các phương tiện vận tải có động cơ hoàn chỉnh trên lãnh thổ của Cộng hòa Bê-la-rút, phải được xác nhận bằng giấy Chứng nhận xuất xứ được cấp có chỉ rõ hàm lượng giá trị gia tăng không ít hơn 55%, theo cách tính quy định của Chương 4 (Quy tắc xuất xứ) của Hiệp định VN-EAEU FTA.

b) Tất cả các phương tiện vận tải có động cơ và bộ phụ tùng và linh kiện do (các) liên doanh nhập khẩu vào Việt Nam phải là những hàng hóa mới, chưa qua sử dụng.

c) Các phương tiện vận tải có động cơ do (các) liên doanh nhập khẩu phải được sản xuất/chế tạo không quá 02 năm tính đến năm cập cảng hoặc cửa khẩu Việt Nam.

2. Đối với mức thuế suất thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch:

a) Trong trường hợp hàng hóa có Giấy chứng nhận xuất xứ theo Hiệp định VN - EAEU FTA (Giấy chứng nhận xuất xứ mẫu EAV), mức thuế suất thuế nhập

khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan là mức thuế nhập khẩu hiện hành theo cam kết trong Hiệp định VN - EAEU FTA;

b) Trong trường hợp hàng hóa không kèm theo Giấy chứng nhận xuất xứ mẫu EAV, mức thuế suất nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan được xác định theo các quy định về pháp luật thuế có liên quan của Việt Nam.

Chương III

QUY TRÌNH CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU THEO HẠN NGẠCH THUẾ QUAN VÀ NHẬP KHẨU THEO HẠN NGẠCH

Điều 7. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan

1. Liên doanh gửi kế hoạch sản xuất hàng năm tới Bộ Công Thương, trong đó có ghi rõ:

- a) Chung loại và số lượng xe dự kiến sản xuất;
- b) Danh sách chi tiết của các linh kiện trong các bộ phụ tùng và linh kiện;
- c) Các dòng thuế tương ứng với các phương tiện vận tải có động cơ và bộ phụ tùng và linh kiện dự kiến nhập khẩu ở cấp độ 8 chữ số theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu hiện hành của Việt Nam;
- d) Lộ trình đạt tỷ lệ nội địa hóa theo cam kết tại khoản 6 Điều 4 Quyết định này;
- đ) Dự kiến thực hiện thỏa thuận về chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực.

2. Trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận được kế hoạch sản xuất do liên doanh gửi, Bộ Công Thương thông báo về kết quả phê duyệt kế hoạch sản xuất này. Trong trường hợp cần làm rõ hoặc bổ sung thông tin về kế hoạch sản xuất, Bộ Công Thương thông báo cho liên doanh yêu cầu cụ thể về những thông tin bổ sung cần cung cấp.

Trong vòng 10 ngày kể từ khi nhận được thông tin bổ sung cho kế hoạch sản xuất do liên doanh gửi, Bộ Công Thương thông báo về kết quả phê duyệt hoặc từ chối kế hoạch này.

3. Căn cứ công thức tính lượng hạn ngạch thuế quan được cấp trong năm tiếp theo được quy định tại khoản 3 Điều 5 của Quyết định này, Bộ Công Thương cấp Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan từng năm cho liên doanh căn cứ vào các tài liệu sau:

- a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan;

b) Kế hoạch sản xuất của Liên doanh đã được Bộ Công Thương phê duyệt, bao gồm các dòng thuế ở cấp độ 8 chữ số theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam dựa trên hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa của Tổ chức Hải quan Thế giới tương ứng với các phương tiện vận tải có động cơ và/hoặc tất cả phụ tùng và linh kiện của các phương tiện vận tải có động cơ cho sản xuất các phương tiện vận tải có động cơ, trừ các phụ tùng và linh kiện của các phương tiện vận tải có động cơ được sản xuất trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Trong thời hạn 14 ngày kể từ khi nhận được các tài liệu nêu tại khoản 3 của Điều này, Bộ Công Thương cấp Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan cho liên doanh. Hạn ngạch thuế quan có thời hạn hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 mỗi năm.

Điều 8. Thủ tục nhập khẩu

Căn cứ lượng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu được cấp và thời hạn hiệu lực của các hạn ngạch này, khi (các) liên doanh hoàn tất việc nộp hồ sơ nhập khẩu cho mỗi lô hàng để được thông quan, cơ quan Hải quan Việt Nam sẽ trừ lùi số lượng xe nguyên chiếc và/hoặc bộ phụ tùng, linh kiện nhập khẩu cho đến khi hết hạn ngạch tối đa hằng năm được cấp.

Điều 9. Thu hồi giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan

Liên doanh bị thu hồi Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan trong các trường hợp sau:

1. Liên doanh không hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.
2. Liên doanh không đạt được yêu cầu về tỷ lệ nội địa hóa trong vòng 10 năm kể từ khi Nghị định thư có hiệu lực theo cam kết tại khoản 6 Điều 4 Quyết định này.
3. MAZ hoặc công ty thay thế hoặc tổ chức lại của MAZ chuyển nhượng vốn trong liên doanh cho bên thứ ba của nước thứ ba.
4. Liên doanh không thực hiện nghĩa vụ của mình trong các thỏa thuận liên quan đến chuyển giao công nghệ.
5. Liên doanh không triển khai các hoạt động cụ thể để đóng góp vào sự phát triển của ngành công nghiệp sản xuất phụ tùng ô tô Việt Nam; phát triển hệ thống dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa ô tô; đào tạo tay nghề kỹ thuật cho lao động địa phương và hỗ trợ các phương tiện vận tải có động cơ, phụ tùng và linh kiện do liên doanh sản xuất thâm nhập vào thị trường các nước khác, bao gồm cả Liên minh Kinh tế Á - Âu.

Điều 10. Thay đổi doanh nghiệp được ủy quyền theo Nghị định thư

Bộ Công Thương chủ trì việc xem xét, đánh giá đề nghị của phía Bê-la-rút về doanh nghiệp thay thế MAZ hoặc doanh nghiệp mới tổ chức lại từ MAZ

dựa trên các tiêu chí được quy định trong Nghị định thư và có xác nhận với phía Bê-la-rút về việc doanh nghiệp mới được ủy quyền đủ điều kiện trong vòng 28 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu và các tài liệu cần thiết.

Chương IV

CƠ CHẾ PHỐI HỢP QUẢN LÝ GIỮA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 11. Cơ chế phối hợp cấp Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan

1. Bộ Công Thương chủ trì:

a) Cấp Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan cho liên doanh theo quy định tại Điều 7 tại Quyết định này;

b) Việc thay đổi doanh nghiệp của phía Bê-la-rút và thông báo cho các bộ, ngành hữu quan trong trường hợp đồng ý với đề nghị của phía Bê-la-rút về thay đổi này.

c) Định kỳ hàng năm kiểm tra quá trình sản xuất, đánh giá việc thực hiện hạn ngạch thuế quan, việc thực hiện cam kết về tỷ lệ nội địa hóa của từng liên doanh để có cơ sở điều chỉnh lượng hạn ngạch thuế quan cho năm tiếp theo.

2. Bộ Công Thương chủ trì phối hợp với các Bộ hữu quan xem xét phê duyệt kế hoạch sản xuất của liên doanh, trong đó:

Bộ Tài chính rà soát sự tương thích của Danh mục phương tiện vận tải có động cơ và bộ phụ tùng, linh kiện được đề xuất để hưởng ưu đãi miễn thuế theo hạn ngạch thuế quan trong kế hoạch sản xuất, chi tiết ở cấp độ 8 chữ số với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu hiện hành của Việt Nam.

3. Trước ngày 31 tháng 01 hàng năm, Bộ Công Thương thông báo cho Bộ Tài chính về lượng hạn ngạch thuế quan điều chỉnh.

4. Bộ Công Thương thông báo cho Bộ Tài chính về Danh mục các phương tiện vận tải có động cơ và bộ phụ tùng, linh kiện dự kiến nhập khẩu của mỗi liên doanh ngay sau khi phê duyệt kế hoạch sản xuất của liên doanh.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện cơ chế công bố danh mục phụ tùng trong nước đã sản xuất được theo chức năng, nhiệm vụ của Bộ và giới thiệu cập nhật cho các liên doanh về các cơ sở sản xuất ở Việt Nam đã sản xuất được các loại phụ tùng với chủng loại, tiêu chuẩn kỹ thuật cụ thể. Đồng thời, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra quá trình các liên doanh thỏa thuận trực tiếp với các cơ sở sản xuất về việc đặt hàng phụ tùng cho ô tô do liên doanh sản xuất, lắp ráp tại Việt Nam.

Chương V

CHẾ ĐỘ KIỂM TRA, BÁO CÁO

Điều 12. Kiểm tra

1. Bộ Công Thương kiểm tra quá trình sản xuất; đánh giá việc thực hiện hạn ngạch thuế quan, việc thực hiện cam kết về tỷ lệ nội địa hóa của từng liên doanh và điều chỉnh lượng ngạch thuế quan miễn thuế cho năm tiếp theo.

2. Bộ Tài chính kiểm tra việc thông quan lô hàng nhập khẩu để đảm bảo phương tiện vận tải có động cơ và/hoặc bộ phụ tùng và linh kiện được nhập khẩu miễn thuế theo đúng Danh mục phương tiện vận tải có động cơ và bộ phụ tùng và linh kiện do Bộ Công Thương gửi và trong giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan do Bộ Công Thương cấp.

3. Bộ Giao thông vận tải kiểm tra phương tiện vận tải có động cơ và các linh kiện, phụ tùng do các liên doanh sản xuất để sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam nhằm đảm bảo phương tiện vận tải và các linh kiện, phụ tùng này đáp ứng các tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp, được quy định, tại các văn bản pháp luật có liên quan của Việt Nam.

Điều 13. Nghĩa vụ báo cáo

1. Liên doanh có nghĩa vụ tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, liên doanh phải báo cáo Bộ Công Thương về tình hình sản xuất kinh doanh trong năm trước, việc thực hiện hạn ngạch thuế quan và việc thực hiện kế hoạch về tỷ lệ nội địa hóa, trong đó có ghi rõ:

a) Số lượng phương tiện vận tải có động cơ và bộ phụ tùng và linh kiện đã được nhập khẩu miễn thuế;

b) Chung loại và số lượng xe đã sản xuất;

c) Thông tin về các dữ liệu cần thiết để tính tỷ lệ nội địa hóa (chi phí nguyên vật liệu của Việt Nam, chi phí lao động trực tiếp, chi phí chung trực tiếp, lợi nhuận, giá người tiêu dùng cuối cùng);

d) Bản cập nhật mới nhất của Báo cáo tài chính năm.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành. Các Quyết định số 09/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn thực hiện Nghị định thư giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt

Nam và Chính phủ Cộng hòa Bê-la-rút về hỗ trợ sản xuất phương tiện vận tải có động cơ trên lãnh thổ Việt Nam và Quyết định số 2077/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 09/2017/QĐ-TTg hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Nếu (các) liên doanh không sản xuất được các phương tiện vận tải có động cơ đáp ứng các yêu cầu về tỷ lệ nội địa hóa theo quy định tại khoản 6 Điều 4 của Quyết định này trong vòng 10 năm kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2016, (các) liên doanh sẽ bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Công Thương theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- VPCP: các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHQT.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Lê Văn Thành